

Chương I. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC

1.1. Nguồn gốc hình thành nhà nước

1.1.1. Một số quan điểm về nguồn gốc nhà nước giai đoạn trước Mác

Thuyết thần quyền: Ra đời sớm nhất trong lịch sử. J. Calan, Langnet: Nhà nước là sản phẩm sáng tạo của thượng đế vì xót thương nhân loại nên thượng đế đã tạo ra nhà nước để lãnh đạo nhân dân và duy trì trật tự cộng đồng.

- Thuyết gia trưởng: Ra đời trong thời kì chiêm hữu nô lệ và phát triển trong thời kì phong kiến. Theo thuyết này, xã hội rộng lớn chẳng qua là một gia đình nhỏ phát triển lên, đó là hình thức tự nhiên của xã hội con người. Trong gia đình phải hình thành người đứng đầu theo lẽ tự nhiên là người cha, người ông; do đó, khi hình thành nhà nước thì phải có người quản lý – người quản lý là do người gia trưởng trong gia đình phát triển lên. Quyền lực của vua là sự phát triển của quyền lực người gia trưởng trong gia đình

- Thuyết nguồn gốc nhà nước tự nhiên: Ra đời từ thời cổ đại với các đại biểu: Socrates, Platon và Aristole và tồn tại đến hiện nay.

- Thuyết khế ước xã hội: Mongtesquieu, J. Loke, J. Rousseau đặt nền móng và sự phát triển của G. Grotius, B. Spinoza, Thomas Hobber. Thuyết này cho rằng: Con người sống trong thế giới được tự do, bình đẳng nhưng họ không thể tự bảo vệ quyền lợi của họ, thường bị người khác xâm phạm. Do đó, họ đã cùng nhau kí kết một khế ước xã hội để lập ra một tổ chức nhà nước nhằm bảo vệ quyền lợi cho mình.

Tóm lại: Những quan điểm phi Mác-xít về nguồn gốc nhà nước đều có hạn chế:

Chưa giải thích một cách khoa học về nguồn gốc của nhà nước với tính cách là một hiện tượng xã hội. Họ đã tách rời nguồn gốc nhà nước với quá trình vận động và phát triển của đời sống vật chất xã hội loài người.

1.1.2. Học thuyết Mác - Lênin về nguồn gốc nhà nước

Được giải thích trong cuốn “Nguồn gốc gia đình, chế độ tư hữu và nhà nước”,

Sự xuất hiện của nhà nước dựa trên 2 tiền đề:

* Tiên đề về kinh tế: Sự xuất hiện của chế độ tư hữu về tài sản

- Phân hoá giai cấp và sự xuất hiện nhà nước: Vào cuối thời kỳ tồn tại của chế độ công xã nguyên thủy đã diễn ra lần lượt ba lần phân công lao động xã hội. Sự phát triển của công cụ sản xuất, sự phân công lao động xã hội đã làm cho kinh tế tiến những bước dài, sản phẩm lao động xã hội làm ra ngày một nhiều hơn, đã xuất hiện điều kiện chiêm đoạt của cải dư thừa của công xã thành tài sản riêng của một số ít người. Những người có địa vị và uy tín trong xã hội đã lợi dụng ưu thế sẵn có của mình chiêm đoạt tài sản của thị tộc thành tài sản riêng. Quá trình tư hữu tài sản diễn ra chế độ tư hữu hình thành.

- Sản xuất phát triển, hoạt động kinh tế diễn ra theo hướng chuyên môn hoá, vì thế sản xuất không nhất thiết phải bằng lao động tập thể. Chế độ hôn nhân xác định ra đời, gia đình có cơ cấu nhỏ trở thành đơn vị kinh tế tự chủ trong sản xuất, độc lập về tài sản, tự định đoạt sản phẩm lao động.

* Tiên đề về xã hội: Sự phân chia thành những bộ phận đối lập nhau về lợi ích kinh tế

- Những biến đổi kinh tế và xã hội của xã hội cộng sản nguyên thủy đã tác động mạnh mẽ vào cộng đồng dân cư thuần nhất của các thị tộc làm phân hoá họ thành những bộ phận đối lập nhau về lợi ích. Một bộ phận nhỏ nắm giữ được quyền chi phối tư liệu sản xuất trở thành giai cấp bóc lột và đa số còn lại bị nghèo khó, bị bóc lột trở thành giai cấp bị bóc lột.

- Hai bộ phận dân cư này do quyền lợi đối lập nhau nên mâu thuẫn với nhau ngày càng gay gắt và quyết liệt. Điều kiện kinh tế xã hội là cơ sở cho sự tồn tại của chế độ thị tộc bị phá vỡ, quyền lực xã hội và hệ thống quản lý trước đây không còn thích hợp với một xã hội đã phân hoá giai cấp và đối kháng nhau về lợi ích.

- Để duy trì trật tự xã hội và quản lý một xã hội đã có những thay đổi rất căn bản cần phải có một kiểu tổ chức xã hội mới và một quyền lực mới khác về chất. Tổ chức đó do giai cấp chiêm đoạt ưu thế về kinh tế tổ chức ra để thực hiện sự thống trị

giai cấp, dập tắt sự xung đột công khai giữa các giai cấp, giữ các xung đột ấy trong vòng một trật tự, bảo vệ lợi ích và địa vị của giai cấp thống trị; tổ chức ấy là nhà nước. Như vậy, Nhà nước xuất hiện một cách khách quan, không phải là một lực lượng từ bên ngoài áp đặt vào xã hội mà “một lực lượng nảy sinh từ xã hội, một lực lượng tựa hồ như đứng trên xã hội, có nhiệm vụ làm dịu bớt sự xung đột và giữ cho xung đột đó nằm trong vòng trật tự”.

1.3. Định nghĩa Nhà nước

Nhà nước là một tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị, một bộ máy chuyên làm nhiệm vụ cưỡng chế và thực hiện chức năng quản lý nhằm duy trì trật tự xã hội, bảo vệ địa vị và lợi ích của giai cấp thống trị trong xã hội có giai cấp.

1.2. Bản chất của nhà nước

1.2.1. Tình giai cấp của nhà nước

- Khi đưa ra những giải thích khác nhau về bản chất nhà nước các nhà tư tưởng cổ đại và các nhà tư tưởng tư sản đều không chỉ, hoặc không nhìn thấy hoặc cố tình che giấu hay xuyên tạc bản chất của nhà nước. Họ quan niệm nhà nước như là công cụ điều hòa lợi ích của các giai cấp chứ không phải là công cụ thống trị của giai cấp trong xã hội có giai cấp.

+ Xuất phát từ việc nghiên cứu nguồn gốc của nhà nước, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đi đến kết luận: Nhà nước chỉ tồn tại trong xã hội có giai cấp và luôn mang tính giai cấp sâu sắc. Bởi – Nhà nước đó do giai cấp nào lập ra và thống trị? – Nhà nước đó phục vụ lợi ích trước hết cho giai cấp nào trong xã hội?

“Nhà nước là sản phẩm và biểu hiện của những mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa được”, nhà nước trước hết là bộ máy trấn áp đặc biệt của giai cấp này đối với giai cấp khác, các tổ chức khác trong xã hội nhằm củng cố vị trí giai cấp thống trị Bản chất của nhà nước được thể hiện

+ Nhà nước là bộ máy cưỡng chế đặc biệt do giai cấp thống trị lập ra và nằm trong tay giai cấp thống trị

+ Nhà nước là công cụ sắc bén nhất duy trì sự thống trị giai cấp, đàn áp lại sự phản kháng của giai cấp bị thống trị. Duy trì và bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị

+ Trong xã hội có giai cấp thống trị giai cấp xét về mặt nội dung được thể hiện ở ba mặt chính trị, kinh tế và tư tưởng. Để thực hiện sự thống trị của mình, giai cấp thống trị phải tổ chức và sử dụng nhà nước, củng cố và duy trì quyền lực về chính trị, kinh tế và tư tưởng đối với toàn xã hội.

1.2.2. Vai trò xã hội của nhà nước

Bản chất của nhà nước còn thể hiện ở vai trò xã hội của nhà nước. Một nhà nước sẽ không thể tồn tại nếu nhà nước đó chỉ phục vụ lợi ích của giai cấp thống trị mà không tính đến lợi ích, nguyện vọng và ý chí của các giai tầng khác trong xã hội. Vì vậy ngoài tư cách là bộ máy duy trì sự thống trị của giai cấp này đối với giai cấp khác, bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, nhà nước còn là tổ chức quyền lực công, là phương thức tổ chức bảo đảm lợi ích chung của xã hội và đương nhiên như vậy, nó cũng đảm bảo lợi ích nhất định của các giai tầng khác trong xã hội.

VD: Trong các xã hội gắn với nền kinh tế nông nghiệp, vai trò của nhà nước gắn với việc quản lý ruộng đất, duy trì hệ thống thủy nông đảm bảo trật tự, trị an xã hội.

VD: Trong các xã hội gắn với vận hành công nghiệp và kinh tế thị trường đó là việc tạo ra hành lang pháp lý cho nền kinh tế và sau này là quản lý, khắc phục những khuyết tật của cơ chế thị trường.

Vai trò xã hội của nhà nước là một thuộc tính khách quan phổ biến, nhưng biểu hiện cụ thể là mức độ thực hiện vai trò này không giống nhau, ở những kiểu nhà nước khác nhau. Ngay trong cùng một kiểu nhà nước ở mỗi giai đoạn phát triển vai trò xã hội của nhà nước cũng có những nội dung cụ thể khác nhau.

1.3. Đặc trưng của Nhà nước

? Những đặc trưng nào nói lên sự khác biệt giữa nhà nước với các tổ chức chính trị xã hội khác đồng thời lại phản ánh được vai trò, vị trí của nhà nước trong xã hội?

Thứ nhất, nhà nước thiết lập quyền lực công cộng đặc biệt không hoà nhập vào dân cư, hầu như tách khỏi xã hội, quyền lực công này là quyền lực chính trị chung. Chủ thể của quyền lực này là giai cấp thống trị về kinh tế và chính trị, để thực hiện quyền lực này và quản lý xã hội cần có một tầng lớp người chuyên làm nhiệm vụ quân lý và được tổ chức thành các cơ quan nhà nước và hình thành bộ máy đại diện cho quyền lực chính trị có sức mạnh cưỡng chế, duy trì địa vị của giai cấp thống trị, bắt giai cấp khác phải phục tùng ý chí của giai cấp thống trị.

Thứ hai, nhà nước phân chia và quản lý dân cư theo các đơn vị hành chính lãnh thổ. Việc phân chia này không phụ thuộc vào huyết thống, nghề nghiệp hay giới tính mà chỉ phân chia theo lãnh thổ hành chính đất đai; việc phân chia này còn dẫn đến hình

thành các cơ quan quản lý trên từng đơn vị hành chính lãnh thổ. Không có một tổ chức xã hội nào trong xã hội có giai cấp lại có lãnh thổ riêng của mình, lãnh thổ là dấu hiệu đặc trưng của nhà nước. Dấu hiệu này làm xuất hiện chế định quốc tịch, quy định sự lệ thuộc của công dân vào một vùng lãnh thổ nhất định.

Thứ ba, nhà nước có chủ quyền quốc gia. Nhà nước là một tổ chức quyền lực có chủ quyền; chủ quyền quốc gia mang nội dung chính trị, pháp lý thể hiện ở quyền tự quyết của nhà nước về mọi chính sách đối nội và đối ngoại không phụ thuộc vào bất kỳ một quốc gia nào khác.

Thứ tư, nhà nước ban hành pháp luật và thực hiện sự quản lý bắt buộc với mọi thành viên xã hội. Là người đại diện chính thống của xã hội, để quản lý đối với mọi công dân của đất nước, nhà nước ban hành pháp luật và bảo đảm thực hiện, có thể bằng cả sức mạnh cưỡng chế. Nhà nước không có đủ lực lượng để tham gia trực tiếp quản lý xã hội vì vậy phải ban hành các pháp luật để duy trì xã hội, thực hiện cưỡng chế xã hội.

Thứ năm, nhà nước ban hành và thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc. Vì Nhà nước cần có một nguồn vật chất, tài chính để chi trả, nuôi dưỡng bộ máy Nhà nước, đảm bảo cho sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, xây dựng các công trình công cộng. Mọi nhà nước đều quy định và thu các loại thuế bắt buộc đối với dân cư của mình.

1.4. Hình thức nhà nước và chế độ chính trị

1.4.1. Khái niệm hình thức nhà nước

Hình thức nhà nước là cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của mỗi kiểu nhà nước trong một hình thái kinh tế - xã hội nhất định.

Hình thức nhà nước gồm: Hình thức chính thể và hình thức cấu trúc: Chế độ chính trị là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến hình thức nhà nước.

1.4.2 Hình thức chính thể nhà nước

Là cách thức tổ chức, trình tự thành lập và quan hệ của các cơ quan nhà nước tối cao cũng như mức độ tham gia của nhân dân vào việc thành lập các cơ quan này. Có hai dạng chính thể chủ yếu là chính thể quân chủ và chính thể công hoà.

+ Chính thể quân chủ: quyền lực nhà nước tối cao tập trung toàn bộ hoặc một phần vào tay người đứng đầu nhà nước (nguyên thủ quốc gia) hình thành theo nguyên tắc truyền ngôi (thế tập). Vua, hoàng đế, quốc trưởng là nguyên thủ quốc gia của các nước theo chính thể này. Nhà nước theo chính thể quân chủ gọi là nhà nước quân chủ. Chính thể quân chủ chia thành quân chủ tuyệt đối và quân chủ hạn chế.

+ Quân chủ tuyệt đối là hình thức chính thể trong đó nguyên thủ quốc gia có quyền lực vô hạn.

+ Quân chủ hạn chế là hình thức chính thể trong đó quyền lực tối cao của nhà nước được trao một phần cho người đứng đầu nhà nước, còn một phần được trao cho một cơ quan cao cấp khác (nghị viện trong nhà nước tư sản hoặc hội nghị đại diện đẳng cấp trong nhà nước phong kiến). Trong nhà nước tư sản chính thể quân chủ hạn chế còn được gọi là chính thể quân chủ lập hiến hay quân chủ đại nghị. Trong đó, quyền lực của nguyên thủ quốc gia như vua, nữ hoàng bị hạn chế rất nhiều. Họ chỉ mang tính chất tượng trưng, đại diện cho truyền thống, cho sự thống nhất quốc gia, không có nhiều quyền hành trong thực tế. "Nhà vua trị vì nhưng không cai trị". Hình thức chính thể theo mô hình quân chủ lập hiến theo mô hình đại nghị hiện đang tồn tại ở một số nước như Nhật Bản (Nhật hoàng Hirohito), Vương Quốc Anh (Nữ hoàng Elizabeth II), Thụy Điển (Quốc Vương Carl XVI Gustaf), Đan Mạch (Nữ hoàng Margrethe I), Canada (Nữ hoàng Anh Elizabeth II) ... do những nguyên nhân lịch sử nhất định

+ Chính thể công hòa: là hình thức chính thể, trong đó quyền lực tối cao của nhà nước thuộc về một cơ quan được bầu ra trong một thời hạn nhất định. Nhà nước theo chính thể cộng hòa gọi là nhà nước công hòa. Gồm chính thể cộng hòa quý tộc và cộng hòa dân chủ.

Cộng hòa quý tộc là hình thức chính thể, trong đó cơ quan đại diện do giới quý tộc bầu ra. Chính thể này tồn tại ở kiểu nhà nước chủ nô và phong kiến,

Cộng hòa dân chủ là hình thức chính thể, trong đó người đại diện là do dân bầu ra. Chính thể này tồn tại ở 4 kiểu nhà nước trong lịch sử với những khái niệm “dân chủ” khác nhau. Chính thể cộng hòa phổ biến nhất hiện nay ở các nhà nước tư sản, Chính thể cộng hòa ở các nước tư sản có hai biến dạng Cộng hòa đại nghị và cộng hòa tổng thống

Chính thể cộng hòa đại nghị: Nghị viện là một thiết chế trung tâm. Nghị viện có vai trò rất lớn trong cơ chế thực thi quyền lực nhà nước. Nguyên thủ quốc gia (Tổng thống) do nghị viện bầu ra, chịu trách nhiệm trước nghị viện. Chính phủ do các đảng chính trị chiếm đa số ghế trong nghị viện thành lập và chịu trách nhiệm trước nghị viện, nghị viện có thể bỏ phiếu không tin nhiệm Chính phủ. Vì vậy, trong các nước này nghị viện có khả năng thực tế kiểm tra các hoạt động của chính phủ còn tổng thống hầu như không trực tiếp tham gia giải quyết công việc của đất nước. Những quốc gia theo chính thể cộng hòa đại nghị như: Cộng hòa liên bang Đức, Cộng hòa Áo, Cộng hòa Italia...

Chính thể cộng hòa tổng thống nguyên thủ quốc gia có vị trí và vai trò rất quan trọng. Tổng thống do nhân dân trực tiếp bầu ra hoặc gián tiếp thông qua đại cử tri.

Tổng thống vừa là nguyên thủ quốc gia vừa là người đứng đầu chính phủ. Chính phủ không phải do nghị viện bầu. Các thành viên chính phủ do tổng thống bổ nhiệm và chịu trách nhiệm trước tổng thống. Tổng thống và các bộ trưởng có toàn quyền trong lĩnh vực hành pháp, nghị viện có quyền lập pháp. Các quốc gia tổ chức theo chính thể cộng hòa tổng thống là Hợp chúng quốc Hoa Kỳ, Liên bang Nga và một số nước Châu Mỹ La tinh

1.4.3. Hình thức cấu trúc nhà nước:

Là sự cầu tạo nhà nước thành các đơn vị hành chính - lãnh thổ và xác lập mối quan hệ giữa các đơn vị ấy với nhau cũng như giữa cơ quan nhà nước ở trung ương với cơ quan nhà nước ở địa phương.

Có hai hình thức cấu trúc nhà nước chủ yếu là nhà nước đơn nhất và hình thức nhà nước liên bang.

+ Nhà nước đơn nhất là nhà nước có chủ quyền chung có một hệ thống pháp luật thống nhất và hệ thống cơ quan nhà nước thống nhất từ TW đến địa phương, các đơn vị hành chính lãnh thổ hoạt động trên cơ sở các quy định của chính quyền TW. Việt Nam, Trung Quốc, Pháp... là những nhà nước theo hình thức nhà nước đơn nhất.

+ Nhà nước liên bang là nhà nước được hình thành từ hai hay nhiều nhà nước thành viên (hợp lại) trong nhà nước liên bang ngoài các cơ quan quyền lực nhà nước và cơ

quan quản lý nhà nước chung cho toàn liên bang, hệ thống pháp luật chung của liên bang thì mỗi nhà nước thành viên còn có hệ thống cơ quan nhà nước và hệ thống pháp luật riêng của mỗi nhà nước thành viên. (Hợp chúng quốc Hoa Kỳ gồm 50 tiểu bang và 01 đặc khu liên bang, Liên bang Nga gồm 83 thực thể liên bang)

144. Chế độ chính trị

Chế độ chính trị là tổng thể các phương pháp, cách thức pônương tiện mà cơ quan nhà nước sử dụng để thực hiện quyền lực nhà nước. Nhân tố chủ đạo trong chế độ chính trị là phương pháp cai trị và quản lý xã hội của giai cấp cầm quyền. Phương pháp và cách thức đó trước hết xuất phát từ bản chất của nhà nước, mặt khác còn phụ thuộc vào từng giai đoạn lịch sử của mỗi quốc gia khác nhau.

Chế độ chính trị của các nhà nước trong lịch sử rất đa dạng song có thể khái quát lại thành hai loại chính là chế độ phản dân chủ (chế độ chuyên chế của chủ nô và phong kiến, chế độ phát xít) và chế độ dân chủ (dân chủ quý tộc, chế độ dân chủ tư sản, chế độ dân chủ XHCN).

1.5. Chức năng của nhà nước

1.5.1. Khái niệm chức năng của Nhà nước

Chức năng của nhà nước được hiểu là những phương hướng, phương diện, hoặc mặt hoạt động chủ yếu của nhà nước nhằm thực hiện các nhiệm vụ cơ bản của nhà nước

- Chức năng nhà nước là do bản chất cơ sở kinh tế xã hội và nhiệm vụ cơ bản của nhà nước quy định

Chức năng của nhà nước có liên quan chặt chẽ tới nhiệm vụ cơ bản của nhà nước, trong đó nhiệm vụ cơ bản là cái đích, là mục tiêu mà nhà nước hướng tới còn chức năng là phương tiện để thực hiện nhiệm vụ cơ bản.

Chức năng của nhà nước cũng liên quan chặt chẽ với chức năng của mỗi cơ quan nhà nước. Chức năng chung của cả bộ máy nhà nước là phương diện hoạt động chủ yếu của cả nhà nước mà mỗi cơ quan đều tham gia với mức độ, phạm vi khác nhau xuất phát từ vị trí, vai trò và thẩm quyền của mình.

VD: Tổ chức, quản lý văn hóa khoa học, giáo dục là chức năng chung của cả bộ máy nhà nước mà mỗi cơ quan tham gia thực hiện. Toà án thông qua việc xét xử tội phạm trong lĩnh vực văn hoá, khoa học, giáo dục góp phần quản lý nền văn hoá mới, nền khoa học tiên tiến, nền giáo dục tiến bộ.

- Các chức năng của nhà nước được thực hiện thông qua những hình thức và phương pháp hoạt động của bộ máy nhà nước, các chức năng của nhà nước được thực hiện chủ

yếu dưới 3 hình thức pháp lý cơ bản là xây dựng pháp luật, tổ chức thực hiện pháp luật và bảo vệ pháp luật.

Các phương pháp hoạt động của nhà nước rất đa dạng (phụ thuộc vào bản chất giai cấp, nhiệm vụ của nhà nước) nhưng nhìn chung mọi nhà nước đều sử dụng hai phương pháp cơ bản là thuyết phục và cưỡng chế.

1.5.2. Các chức năng cơ bản của nhà nước

- Căn cứ vào phạm vi hoạt động của nhà nước:(Đối nội, đối ngoại)

+ Đối nội: Là những hoạt động diễn ra, bên trong nội bộ của đất nước: đảm bảo trật tự xã hội, trấn áp các phần tử chống đối, bảo vệ chế độ kinh tế văn hoá và khoa học công nghệ.

+ Đối ngoại: Là những hoạt động thể hiện trong mối quan hệ của nhà nước với các nhà nước,các dân tộc, các tổ chức quốc tế.

- Căn cứ vào tính chất của hoạt động có thể phân chia thành chức năng trấn áp và chức năng xã hội.

VD: Trấn áp các phần tử chống đối, bạo loạn, khủng bố.

Xây dựng nền kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

* Sự phát triển các chức năng của nhà nước. (Đọc thêm)

Các chức năng của nhà nước luôn luôn phát triển cùng với sự phát triển của xã hội. Sự biến đổi về số lượng, nội dung các chức năng tùy thuộc trước hết vào bản chất, nhiệm vụ mục tiêu cơ bản của nhà nước cũng như khả năng điều kiện của xã hội, hoàn cảnh trong nước và quốc tế.

VD: Sự biến đổi của các chức năng của nhà nước tư sản ngoài 4 chức năng cơ bản là bảo vệ duy trì chế độ tu hữu, đàn áp sự phản kháng của nhân dân lao động, tiên hành chiến tranh xâm lược nhà nước tư sản đang thực hiện một số chức năng mới do nhu cầu khách quan của xã hội và điều kiện, hoàn cảnh quốc tế như: tổ chức quản lý nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, tổ chức quản lý văn hoá khoa học, công nghệ.

VD: Sự biến đổi cả về số lượng và chất lượng, chức năng của nhà nước XHCN.

Trước đây chức năng tổ chức quản lý nền kinh tế được thực hiện theo chế độ tập trung quan liêu với mục đích nhanh chóng thiết lập nền kinh tế XHCN thuần nhất thì nay cũng chức năng ấy nhà nước đang điều hành có hiệu quả nền kinh tế nhiều thành phần với nhiều hình thức sở hữu và tổ chức sản xuất nhằm phát huy mọi tiềm năng sẵn có trong nước và sử dụng hợp lý nguồn viện trợ, đầu tư nước ngoài.

Tóm lại: Tính giai cấp của nhà nước không thay đổi, nhưng các chức năng của nhà nước biến đổi không ngừng, cả về số lượng quy mô nội dung lẫn hình thức và phương pháp thực hiện.

1.6. Kiểu nhà nước (tự đọc)

1.6.1. Khái niệm kiểu nhà nước

Kiểu nhà nước là tổng thể những đặc điểm cơ bản của nhà nước thể hiện bản chất, vai trò xã hội và những điều kiện phát sinh tồn tại của nhà nước ấy trong một hình thái kinh tế - xã hội có giai cấp nhất định.

- Mỗi kiểu nhà nước có những đặc điểm riêng biệt về bản chất chức năng nhưng 3 kiểu nhà nước chủ nô, phong kiến, tư sản đều có đặc điểm chung là kiểu nhà nước bóc lột, chúng xuất hiện và tồn tại trên cơ sở chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất. Nhà nước XHCN là nhà nước kiểu mới, được xây dựng trên cơ sở chế độ sở hữu XHCN về tư liệu sản xuất, là tổ chức thực hiện quyền lực của nhân dân lao động.

1.6.2. Các kiểu nhà nước trong lịch sử (Tự đọc)

a) Nhà nước chuyên hữu nô lệ.

+ Cơ sở kinh tế dựa trên chế độ sở hữu chủ nô đối với tư liệu sản xuất và người nô lệ.

Trong xã hội có 2 giai cấp chính là chủ nô và nô lệ, ngoài ra còn có tầng lớp thợ thủ công và những người lao động tự do khác

+ Nhà nước chủ nô, xét về bản chất là công cụ bạo lực để thực hiện nền chuyên chính của giai cấp chủ nô, đàn áp nô lệ và những người lao động khác.

+ Bộ máy nhà nước: ban đầu bộ máy nhà nước chủ nô được cấu tạo đơn giản và mang nhiều dấu ấn của tổ chức thị tộc, chủ nô đồng thời là người lãnh đạo quân sự và nhà

chức trách về sau bộ máy nhà nước phát triển hơn trong đó cảnh sát, quân đội, toá án là những bộ phận chủ yếu cấu thành bộ máy nhà nước.

b) Nhà nước phong kiến:

+ Cơ sở kinh tế của nhà nước phong kiến là chế độ sở hữu của giai cấp địa chủ đối với tư liệu sản xuất chủ yếu là ruộng đất, người nông dân không có hoặc có rất ít ruộng đất nên phải phụ thuộc vào địa chủ phong kiến.

- Kết cấu giai cấp: Ngoài hai giai cấp cơ bản là địa chủ và nông dân, trong xã hội còn có các tầng lớp trung gian, thợ thủ công, thương nhân.

+ Về bản chất: là công cụ để thực hiện nền chuyên chính của giai cấp địa chủ phong kiến đối với nông dân, là phương tiện để giai cấp địa chủ phong kiến duy trì địa vị kinh tế và thực hiện sự thống trị của mình đối với toàn xã hội.

c) Nhà nước tư sản

Nhà nước tư sản là kiểu nhà nước bóc lột cuối cùng trong lịch sử, là công cụ duy trì nền thống trị của giai cấp tư sản, đối với các tầng lớp nhân dân lao động.

Cơ sở kinh tế của nhà nước tư sản là quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ tư hữu tư bản về tư liệu sản xuất và bóc lột giá trị thặng dư.

Cơ cấu giai cấp trong xã hội tư sản gồm 2 giai cấp chính là tư sản và vô sản, đây là cơ sở xã hội của nhà nước tư sản. Nằm trong tay những tư liệu sản xuất chủ yếu của xã hội, giai cấp tư sản giữ vai trò thống trị của xã hội. Về phương diện pháp lý giai cấp vô sản được tự do nhưng do không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động và trở thành người lâm thuê cho giai cấp tư sản chịu sự bóc lột của giai cấp tư sản.

d) Nhà nước XHCN

* Nhà nước XHCN là nhà nước kiểu mới có bản chất khác với các kiểu nhà nước bóc lột bản chất đó do cơ sở kinh tế - xã hội và đặc điểm về tổ chức thực hiện quyền lực trong CNXH quy định cơ sở kinh tế của nhà nước CNXH là quan hệ sản xuất XHCN dựa trên chế độ công hữu tư liệu sản xuất, giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo nhà nước và xã hội, quyền lực nhà nước thuộc về giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Nhà nước XHCN là công cụ duy trì sự thống trị của đa số với thiểu số và các giai cấp bóc lột, thực hiện dân chủ với đa số là nhân dân lao động, chuyên chính với thiểu số bóc lột, chống đối.

Nhà nước XHCN là bộ máy hành chính, cơ quan cưỡng chế đồng thời là một tổ

chức quản lý kinh tế xã hội, là công cụ xây dựng một xã hội bình đẳng, công bằng tự

do và nhân đạo, là nhà nước nửa nhà nước.

- Nhà nước CHXHCN Việt nam

Nhà nước CHXHCN Việt nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân do dân vì dân

Bản chất của Nhà nước CHXHCN được thể hiện trong những đặc trưng cơ bản sau đây:

- Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước

Với tư cách là chủ thể cao nhất của quyền lực nhà nước nhân dân thực thi quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Nhân dân còn thực hiện quyền lực nhà nước thông qua Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong việc thanh tra giám sát, kiểm tra hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Nhà nước XHCN Việt Nam là của tất cả các dân tộc sống trên lãnh thổ Việt Nam, là biểu hiện tập trung của khối đại đoàn kết dân tộc, nhà nước thực hiện chính sách bình đẳng, đoàn kết tương trợ giữa các dân tộc

- Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng trong mối quan hệ giữa công dân với nhà nước. Biểu hiện của mối quan hệ này là ở chỗ công dân có đầy đủ các quyền tự do dân chủ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đồng thời phải thực hiện mọi nghĩa vụ đối với nhà nước. Nhà nước có nghĩa vụ tôn trọng các quyền tự do dân chủ của công dân và đưa ra những đảm bảo thực tế cho các quyền đó được thực hiện đầy đủ.

- Nhà nước CHXHCN Việt nam là nhà nước dân chủ rộng rãi và thực sự. Dân chủ XHCN vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng XHCN, là thuộc tính của nhà nước XHCN